

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2017 /HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2017

“*V/v Xin ly hôn*”.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thiện**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Minh Sang**

2. Ông **Múth So Ny**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông **Đặng Văn Việt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Đức** – Kiểm sát viên

Ngày 09 /8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T ịnh Biên,xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ *Xin ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1973, Nơi cư trú: Số 100/59, Th Ph, phường 9, quận T B, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt

2.Bị đơn: Bà **Tô Thị Th**, sinh năm 1972, Nơi cư trú: Ấp T Đ, xã T L, huyện T B, tỉnh An Giang – Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 3 năm 2017 ông Nguyễn Văn Tr cho rằng: Ông và bà Tô Thị Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã TL, huyện T B. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trong chuyện tình cảm và chuyện làm ăn, cụ thể bà Th ghen tuông nên có hành động làm mất mặt chồng tại cơ quan, mặc dù ông có khuyên bảo nhưng không khắc phục, hơn nữa trong quan hệ gia đình giữa mẹ chồng và con dâu cũng thường xảy ra xích mích, bà Th có những lời lẽ và cử chỉ không tôn trọng cha mẹ chồng, chính vì vậy ông buồn chán, bỏ nhà đi từ tháng 4/2010 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Kể từ thời điểm sống ly thân, vợ chồng không tạo được cơ hội hàn gắn đoàn tụ nên vào năm 2013 ông có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện T B để yêu cầu ly hôn nhưng không được

chấp nhận. Thiết nghĩ vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ, quan điểm sống không phù hợp, nếu tiếp tục duy trì thì cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc bởi vì tình cảm không còn, nên yêu cầu được ly hôn với bà Tô Thị Th

Ông và bà Th có 03 con chung gồm: Nguyễn Trung Th, sinh ngày 20/02/1992, Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 10/9/1996 và Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010; Cháu Th và cháu Nh đã trưởng thành, riêng cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010 hiện bà Th đang nuôi dạy; ly hôn ông đồng ý giao cho bà Th được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, nếu bà Th có yêu cầu thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Ngh trưởng thành

Tài sản chung, Ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có khoản nợ chung.

Bị đơn và Tô Thị Th trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như ông Tr đã trình bày, cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 10 năm (Thời điểm đó ông Tr công tác tại Ủy ban nhân dân xã T L) có quan hệ tình cảm với người con gái tên Thủy ở huyện Tri Tôn, bà phát hiện, khuyên can nhưng ông Tr không chấm dứt, sau này ông Tr bị kỷ luật và sinh con thứ ba nên ông Tr nói buồn về quê ngoại chơi, nhưng theo bà biết thì ông Tr dẫn cô gái tên Thủy lên thành phố Hồ Chí Minh chung sống từ năm 2010 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ông Tr bỏ nhà đi, vợ chồng không tới lui thăm hỏi, không có liên lạc với nhau, thậm chí ông Tr cũng không về thăm cha mẹ và không hề chăm lo cho các con.

Bà Th cho biết, về tình cảm vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nhưng ông Tr yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bởi vì trong thời gian sống ly thân bà vẫn sống tại gia đình cha mẹ chồng để nuôi dạy các con, do vậy ông Tr đi đâu cứ đi, khi nào trở về thì vợ chồng tiếp tục chung sống.

Về con chung: Có 03 con chung gồm Nguyễn Trung Th, sinh ngày 20/02/1992, Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 10/9/1996 và Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010; Cháu Th và cháu Nh đã trưởng thành, riêng cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010 hiện bà đang nuôi dạy. Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy, không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có khoản nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

-Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng khi thụ lý đến khi xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Về chấp hành pháp luật: Các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và Ngh vụ theo quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng Dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Ông Tr và bà Th chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, cả hai không tạo điều kiện để đoàn tụ, điều đó cho thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng là rất trầm trọng, trong suốt khoảng thời gian hơn 7 năm mà cả hai chưa thể dung hòa cuộc sống, mà sống ly thân nhau. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung có 2 cháu Nguyễn Trung Th và Nguyễn Thành Nh đã trưởng thành. Riêng đối với cháu Ngh sinh ngày 22/11/2010 đã được bà Th chăm sóc, Ông Tr đồng ý để bà Th tiếp tục chăm sóc nuôi dạy là phù hợp, ông Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, nhưng bà Th không đồng ý, đây là sự định đoạt của bà Th. Tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Ngh nên chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Tr.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tr, theo các Điều 51, 56, 81,82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn Tr có yêu cầu xin ly hôn với bà Tô Thị Th, do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Tô Thị Th có địa chỉ tại: Ấp T Đ, xã T L, huyện T B, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2].Về nội dung

[3].Quan hệ hôn Nh: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Tô Thị Th tự nguyện chung sống với nhau, tuy không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng qui định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận

Theo ông Nguyễn Văn Tr cho rằng nguyên nhân xin ly hôn do mâu thuẫn giữa trong chuyện tình cảm và chuyện làm ăn cụ thể bà Th ghen tuông nên có hành động làm mất mặt chồng tại cơ quan, mặc dù ông có khuyên bảo nhưng

không khắc phục, hơn nữa trong quan hệ gia đình giữa mẹ chồng và con dâu cũng thường xảy ra xích mích, bà Th có những lời lẽ và cử chỉ không tôn trọng cha mẹ chồng

Bà Tô Thị Th thì cho rằng, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông Tr xin ly hôn là do ông Tr có quan hệ với người con gái khác khoảng 10 năm nay, từ đó anh Tr bỏ nhà đi không chăm lo cho gia đình và con cái, mặc dù vợ chồng không có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, nhưng bà không đồng ý ly hôn

Qua xem xét lời trình bày của các đương sự thì thấy: Ông Tr có yêu cầu xin ly hôn còn bà Th thì không đồng ý, thực tế hai người đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Bà Th xác nhận trong thời gian sống ly thân hai người không có liên lạc với nhau, không tạo được cơ hội hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, thậm chí ông Tr không quan tâm chăm sóc gì đến gia đình và con cái.

Tòa án thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân thì được bà Hồ Thị L (Là mẹ ruột của ông Tr) cho biết: Tr bỏ nhà đi lên Th phố Hồ Chí Minh khoảng 7, 8 năm nay, Tr đã có người vợ khác.... Theo bà L thì vợ chồng Tr và Th khó có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, bởi vì xa cách đã lâu, nhiều khi Tr có về nhà thăm cha mẹ nhưng hai vợ chồng gặp mặt nhau là gây gổ. Anh Nguyễn Trung Th (Là con của ông Tr và bà Th) cũng cho biết: Ông Nguyễn Văn Tr khoảng năm 2010 có vợ khác bỏ mẹ con anh đi lên Sài Gòn sinh sống hơn 7 năm nay không về nhà thăm mẹ con anh. Hơn nữa năm 2013 Ông Tr có gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện T B, Tòa án đã xử bác yêu cầu ly hôn, nhưng giữa ông Tr và bà Th cũng không hàn gắn được tình cảm để vợ chồng sống đoàn tụ.

Từ đó chứng tỏ tình cảm giữa ông Tr và bà Th không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau; không tạo điều kiện để cho nhau phát triển; đã được hòa giải nhiều lần nhưng vẫn sống ly thân. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, do vậy yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Tr đối với bà Tô Thị Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3].Quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Tô Thị Th có 03 con chung gồm Nguyễn Trung Th, sinh ngày 20/02/1992, Nguyễn Th Nh, sinh ngày 10/9/1996 và Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010; Cháu Th và cháu Nh đã trưởng Th, riêng cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010 hiện bà đang nuôi dạy.Nếu ly hôn bà Tô Thị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con; Ông Tr cũng đồng ý đồng ý giao cháu Ngh cho bà Th được tiếp tục nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi cháu Ngh trưởng Th. Xét thấy đây là tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, từ đó nên giao cháu Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010 cho bà Tô Thị Th được tiếp tục nuôi dạy. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con bà Th không chấp nhận, nên không đặt ra giải quyết, dành quyền khởi kiện vụ án khác nếu như bà Th có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung và khoản nợ chung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Tô Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác nhận không có khoản nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Tr khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

[6]. Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Tr đối với bà Tô Thị Th

- Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr được ly hôn với bà Tô Thị Th

- Quan hệ con chung: Bà Tô Thị Th được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Phương Ngh, sinh ngày 22/11/2010; ông Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn Nh và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2015/0011537, ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T B.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh AnGiang;
- VKS.ND huyện T B;
- THA.DS huyện T B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thiện**